

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 68 /2018/HNGĐ - ST

Ngày: 16/10/2018

“V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Văn Thê.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Văn Phẩm

Ông Vũ Ngọc Côn

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường - Cán bộ
Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát: Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét
xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 175/2018/TLST - HNGĐ
ngày 04 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/QĐXX - HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018
giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lục Văn B - Sinh năm 1973 (Có mặt)

Trú quán: Bản H - K T – L Ng – Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị N – Sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Trú quán: Bản H - K T – L Ng – Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 13/3/2018 và những lời khai tiếp theo
của nguyên đơn anh Lục Văn B trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị N kết hôn với nhau từ năm 1991, trước khi kết hôn
hai bên có được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và không bị ai ép buộc, được hai bên
gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn
tại Ủy ban nhân dân xã theo quy định của pháp luật, sau khi cưới chị Nông về
chung sống với anh tại thôn Bản H, xã K T, huyện L Ng, tỉnh Bắc Giang. Thời
gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, sau một thời gian chung sống vợ chồng
phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013, sau đó ly thân với nhau cho đến nay, vợ chồng
không bảo ban nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế, không ai quan tâm đến ai.

Đến nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với chị N được nữa, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị N.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Lục Văn H, sinh năm 1993; Lục Văn Q, sinh năm 1995 và Lục Văn V, sinh năm 1997, hiện các cháu đã trưởng thành, anh không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Anh chị tự thỏa thuận, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/6/2018 bị đơn chị Hoàng Thị N trình bày:

Chị kết hôn với anh Lục Văn B vào năm 1991, trước khi kết hôn hai người có được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn không bị ai ép buộc, nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã theo quy định của pháp luật, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại thôn Bán H – K T – L Ng – Bắc Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, được một thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng có đánh cãi nhau, nhưng chị vẫn chịu nhịn anh B, nay anh Lục Văn B đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị, chị không nhất trí, vì chị muốn vợ chồng về đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Lục Văn H, sinh năm 1993; Lục Văn Q, sinh năm 1995 và Lục Văn V, sinh năm 1997, hiện các cháu đã trưởng thành, chị không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Anh chị tự thỏa thuận, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Lục Văn B trình bày: Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, vì anh và chị Nông không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn giữa anh và chị N đã trầm trọng, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị N; Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Lục Văn H, sinh năm 1993; Lục Văn Q, sinh năm 1995 và Lục Văn V, sinh năm 1997, hiện các cháu đã trưởng thành, anh không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Anh chị tự thỏa thuận, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Lục Văn B tự nguyện xin chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên chị Hoàng Thị Nông vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố lời khai của chị Nông có trong hồ sơ vụ án

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự: Thẩm phán, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật. Thực hiện thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét

xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh về quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh về quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28; 35; 227; 271; 272 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử: Không công nhận anh Lục Văn B và chị Hoàng Thị N là vợ chồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc anh Lục Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh B đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003408 ngày 04/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà vắng mặt chị Hoàng Thị N lần thứ hai, Toà án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho đương sự, nhưng chị N vẫn vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh anh Lục Văn B và chị Hoàng Thị N kết hôn với nhau vào năm 1997. Trước khi kết hôn hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, anh B, chị N đều xác định vợ chồng không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống cho đến nay chị N và anh B cũng không đi đăng ký kết hôn, do vậy vi phạm Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, nay cuộc sống giữa anh B và chị N phát sinh mâu thuẫn, anh B có đơn xin ly hôn với chị N nên cần áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân gia đình xử: Không công nhận anh anh Lục Văn B và chị Hoàng Thị N là vợ chồng.

Về con chung: Anh B, chị N đều xác định: Anh chị có 03 con chung là Lục Văn H, sinh năm 1993; Lục Văn Q, sinh năm 1995 và Lục Văn V, sinh năm 1997, hiện các cháu đã trưởng thành, anh chị không đề nghị Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác: Anh Lục Văn B và chị Hoàng Thị N tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Lục Văn B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28; 35; 227; 271; 272 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử: Không công nhận anh Lục Văn B và chị Hoàng Thị N là vợ chồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc anh Lục Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh B đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003408 ngày 04/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt không có lý do chính đáng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã K T;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Thề